



Internet, Network, Web

Giảng viên:

Buổi học: 11

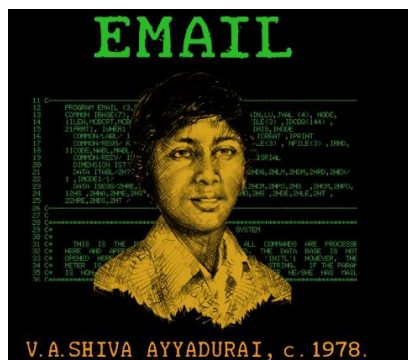
- ❖ Giới thiệu dịch vụ Email
- ❖ Hướng dẫn cách sử dụng email
- ❖ Giới thiệu về dịch vụ tìm kiếm
- ❖ Hướng dẫn cách sử dụng Google để tìm kiếm tài nguyên





GIỚI THIỆU DỊCH VỤ EMAIL

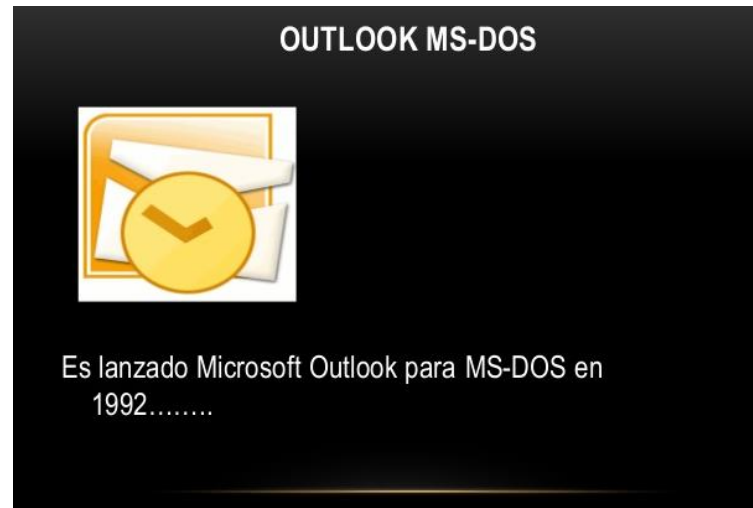
- Năm 1978, cậu bé V.A. SHIVA AYYADURAI đã cho ra đời một khái niệm mới về việc trao đổi thông tin trong văn phòng, và gọi là e-mail.
- Hệ thống e-mail bao gồm From: (Người gửi), To: (Người nhận), Cc: (Bản sao), Bcc: (Bản sao ẩn), Subject: (Tiêu đề), Reply: (Gửi trả lời), Reply All (Gửi trả lời tất cả), Forward (Chuyển tiếp) và phần nội dung email cũng như trường đính kèm...



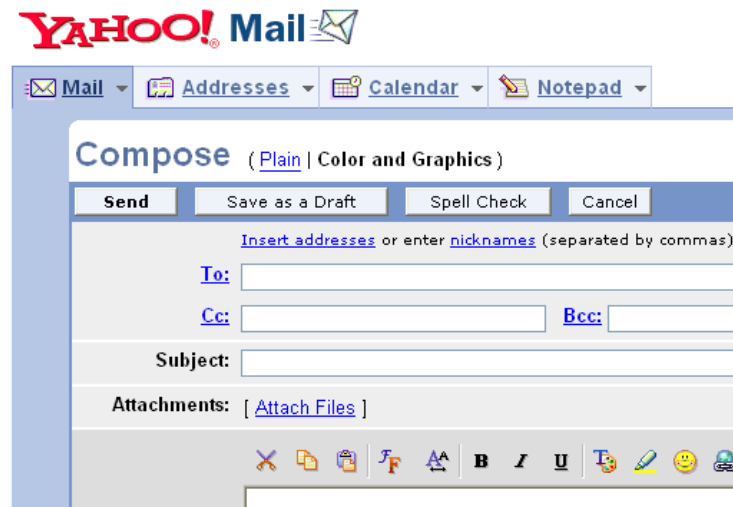
- Với hệ thống gửi tin nhắn điện tử, Shiva có trách nhiệm biến đổi cái được gọi là hệ thống thư văn phòng này thành hệ thống email thời kỳ sơ khai. Công việc này bắt đầu từ năm 1978 khi Shiva mới 14 tuổi, và đến năm 1981, Shiva đã được nhận giải thưởng khoa học Westinghouse Science và giành được bản quyền cho hệ thống liên lạc bằng email của mình vào năm 1982.



- 1991: IBM ra mắt Lotus Notes 1.0 mô hình email server đầu tiên.
- Đầu những năm 90, vấn nạn thư rác bắt đầu hoành hành.
- 1992: Microsoft Outlook phiên bản dành cho MS-DOS ra đời.
- 1993: AOL và Delphi kết nối hệ thống email độc quyền của họ vào Internet.
- 1993: IBM liên doanh với BellSouth sản xuất dòng điện thoại thông minh đầu tiên Simon Personal Communicator, trong đó có tính năng email.



- 1996: Sabeer Bhatia và Jack Smith khởi động "HoTMaiL" - website cung cấp dịch vụ email miễn phí đầu tiên trên thế giới
- 1997: Yahoo! cho ra đời Yahoo! Mail, cạnh tranh với Hotmail.
- 1999: Blackberry cho phép truy cập dịch vụ email qua ĐTDĐ.
- Cuối những năm 90, email sử dụng ngôn ngữ HTML ra đời cho phép định dạng văn bản phong phú hơn so với văn bản thuần túy.



- Sử dụng email trở thành phương thức giao tiếp tiện lợi, văn minh và giữ vai trò quan trọng trong môi trường kinh doanh hiện đại ngày nay.
- Cho đến hiện nay thì vẫn có đến hơn 90% người làm việc văn phòng xem email như là một công cụ giao tiếp và hợp tác mang lại giá trị và hiệu quả cao
- Email doanh nghiệp đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp các giải pháp kinh doanh tốt nhất cho rất nhiều ngành công nghiệp khác nhau



- 1/4/2004, Gmail ra đời trong sự ngỡ ngàng của giới truyền thông
- Dung lượng hòm mail lúc bấy giờ là 1GB, cao gấp 500 lần dung lượng hòm thư Hotmail (là hệ thống email miễn phí tốt nhất thời bấy giờ).
- Gmail nhanh chóng đè bẹp Hotmail và Yahoo - 2 webmail đình đám thời đó.
- Hiện nay, Gmail đã cho người dùng sử dụng dung lượng miễn phí lên tới 15 GB, kèm theo nhiều dịch vụ khác



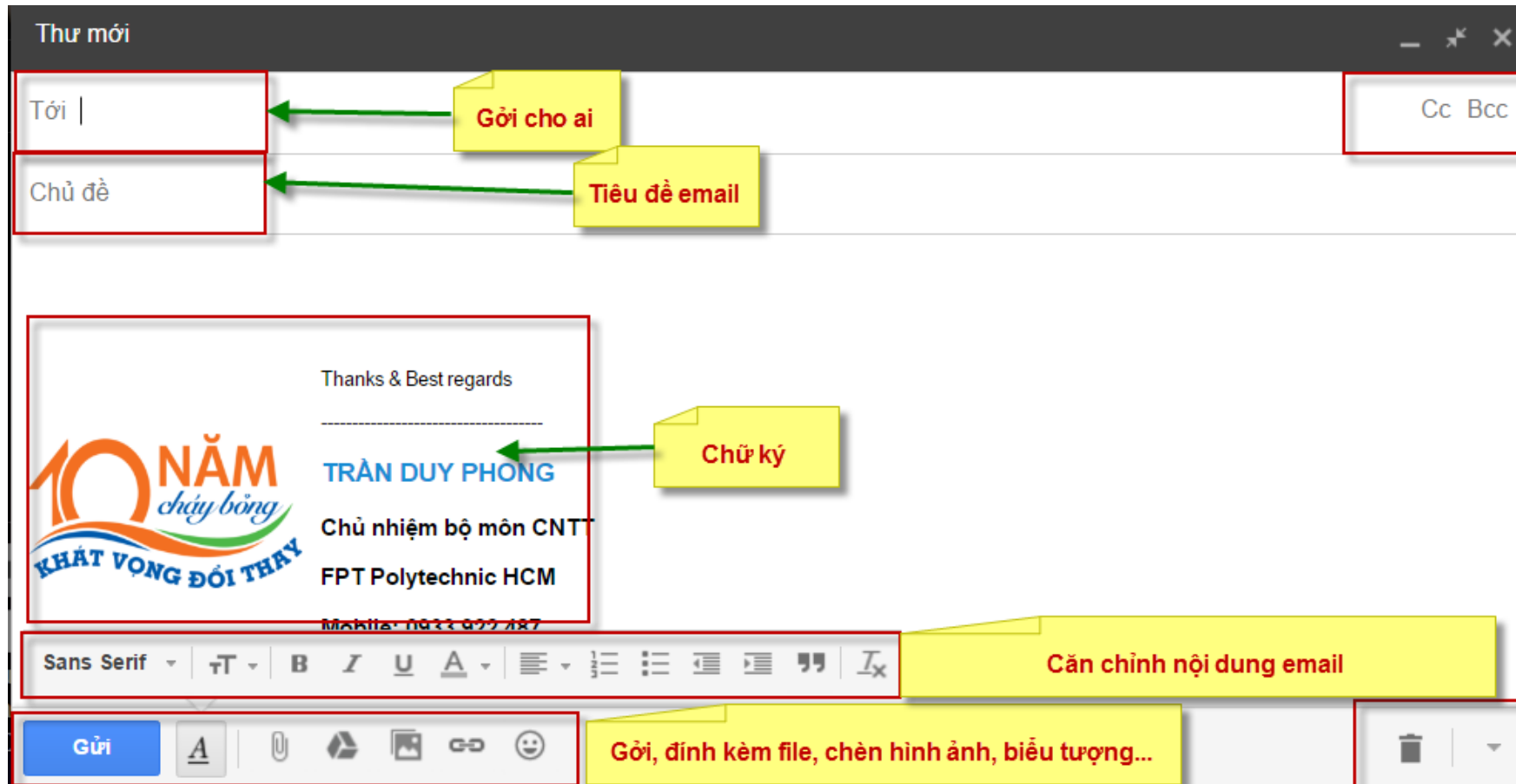
❑ Làm quen với hệ thống email của Google

The image shows a screenshot of the Gmail web interface with several yellow callout boxes and green arrows pointing to specific features:

- Soạn và gửi email**: Points to the "Compose" button (SOẠN) in the top left corner.
- Thông tin tài khoản email**: Points to the account information section on the right, showing the user's profile picture and name.
- Thông tin các email**: Points to the list of emails in the main inbox area.
- Thông tin thư đến, thư gửi đi, thư nháp, thông tin khác ..**: Points to the left sidebar menu containing folders like "Hộp thư đến (254)", "Thư gán dấu sao", "Thư đã gửi", "Thư nháp (90)", and "Vòng kết nối".

Additional visible elements include the "Thêm tài khoản" (Add account) and "Đăng xuất" (Sign out) buttons at the bottom right, and a list of contacts in the bottom right corner.

❑ Làm quen với hệ thống email của Google



❑ Chức năng soạn và gửi email

- ❖ To: phongtd@fpt.edu.vn
- ❖ CC: khanhttn@fpt.edu.vn
- ❖ BCC: bayhv@fpt.edu.vn
- ❖ Subject: Thắc mắc về vấn đề học tập
- ❖ Attach: bai1.docx

Sự khác biệt giữa To, CC, BCC

Thắc mắc về vấn đề bài tập

Tới

Cc

Bcc

Thêm: [Nguyễn thanh dien](#) [Nguyễn Thanh Điền](#) [Hùng Phạm Mạnh](#) [Lê Phạm Tuấn Kiệt](#)

Thắc mắc về vấn đề bài tập



DEMO

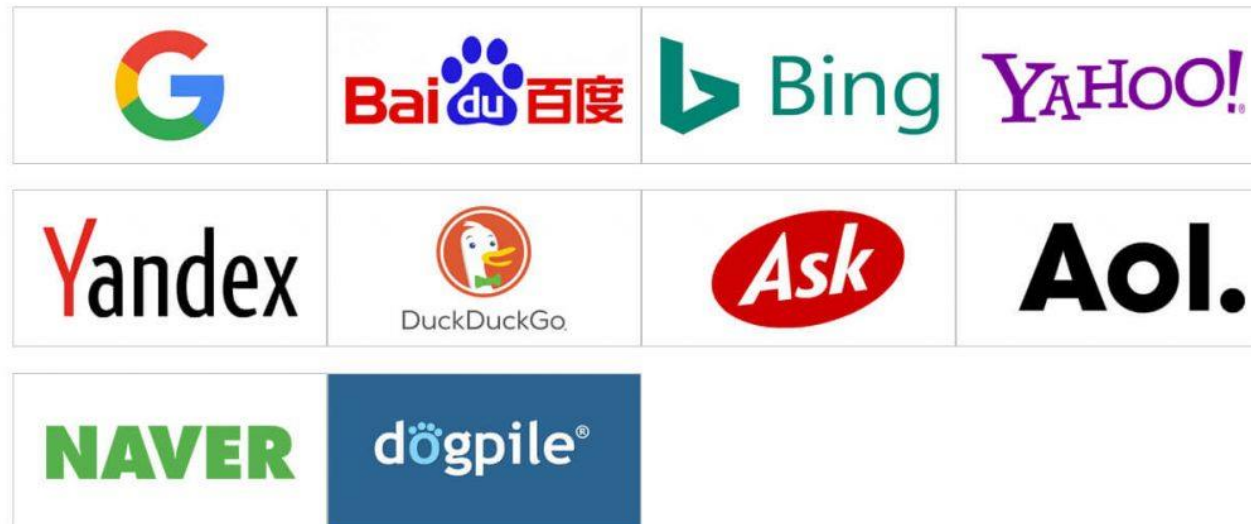


Hướng dẫn sinh viên tạo Gmail.
Hướng dẫn sinh viên gửi email



GIỚI THIỆU DỊCH VỤ TÌM KIẾM

- Search Engine hay còn gọi là công cụ tìm kiếm, là hệ thống cho phép chúng ta tìm kiếm thông tin trên Internet
- Có rất nhiều hệ thống tìm kiếm nhưng Google vẫn là hệ thống tìm kiếm nổi bật nhất hiện nay
- Theo thống kê của Net Marketing Share năm 2019, Google Search chiếm hơn 70% thị phần tìm kiếm thế giới và có 2.4 nghìn tỉ lượt tìm kiếm



- Ngày nay, tìm kiếm bằng các công cụ tìm kiếm đã trở nên quá phổ biến cho người sử dụng trên Internet
- Trong trường hợp không có các công cụ tìm kiếm, chúng ta sẽ ra sao?



❑ Bước 1: Thu thập dữ liệu

- ❖ Bước đầu tiên là tìm những trang tồn tại trên web
- ❖ chúng tôi phải liên tục tìm kiếm các trang mới và thêm những trang đó vào danh sách các trang đã biết

❑ Bước 2: Lập chỉ mục

- ❖ Sau khi tìm thấy một trang, Google sẽ cố gắng tìm hiểu nội dung của trang đó. Quá trình này gọi là lập chỉ mục
- ❖ Google phân tích nội dung của trang, lập danh mục hình ảnh và tệp video nhúng trên trang. Thông tin này được lưu trữ trong chỉ mục của Google – một cơ sở dữ liệu khổng lồ

❑ Bước 3: Phân phát (và xếp hạng)

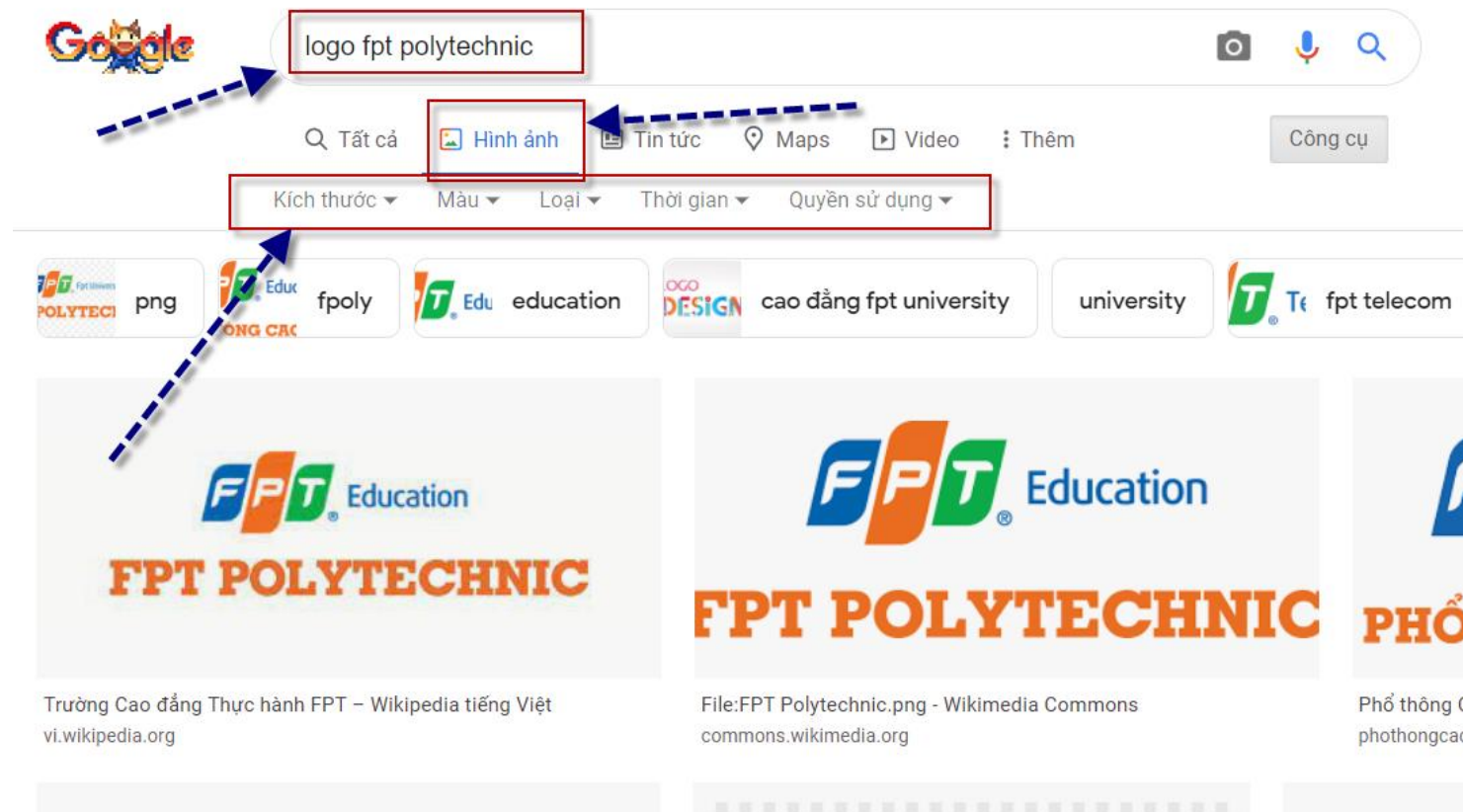
- ❖ Khi người dùng nhập cụm từ tìm kiếm, Google sẽ cố gắng tìm câu trả lời phù hợp nhất trong chỉ mục

Chúng ta thường sử dụng công cụ tìm kiếm nhằm mục đích gì?

- ☐ Tìm kiếm sản phẩm → Các website về thương mại điện tử
- ☐ Tìm kiếm thông tin học tập → Các website về học tập
- ☐ Tìm kiếm phần mềm → Các website download
- ☐ Tìm kiếm thông tin giải trí → Các website giải trí

❑ Một số tính năng nâng cao của Google Search

- ❖ Tìm kiếm hình ảnh bằng từ khóa
- ❖ Chúng ta có thể tìm kiếm nâng cao theo kích thước, màu, loại, thời gian, quyền sử dụng



❑ Một số tính năng nâng cao của Google Search

- ❖ Tìm kiếm bằng hình ảnh
- ❖ Giả sử chúng ta có ảnh một loại hoa và không biết hoa gì, chúng ta có thể sử dụng tìm kiếm bằng hình ảnh để tìm ra tên loại hoa đó

The screenshot shows the Google Search homepage with a search bar containing the text "hoa dã quỳ trắng". A red box highlights the search bar, and a blue dashed arrow points from a callout box labeled "Upload ảnh hoa lên" to the search bar. Another red box highlights the camera icon in the search bar, and a blue dashed arrow points from a callout box labeled "Chọn tìm kiếm bằng hình ảnh" to it. Below the search bar, the results show "Khoảng 255 kết quả (0,91 giây)". A red box highlights the search results, and a blue dashed arrow points from a callout box labeled "Kết quả trả về" to it. The results include a thumbnail of a yellow flower, the text "Kích thước hình ảnh: 483 x 455", and "Không tìm thấy kích thước khác của hình ảnh này." Below the thumbnail, a red box highlights the text "Nội dung tìm kiếm có thể liên quan: **hoa dã quỳ trắng**". At the bottom, the URL "https://wikihoa.com › ban-da-biet-gi-ve-hoa-da-quy-tra..." is shown, followed by the title "Bạn đã biết gì về hoa dã quỳ trắng - Wikihoa" and the date "23 thg 11, 2018". The description reads: "Ý nghĩa của **hoa dã quỳ trắng** ... Là loài hoa tượng trưng cho sự sống mãnh liệt, cho dù có sỏi đá khô cằn hay nước ngập thì những bông hoa dã quỳ ..."

Upload ảnh hoa lên

Chọn tìm kiếm bằng hình ảnh

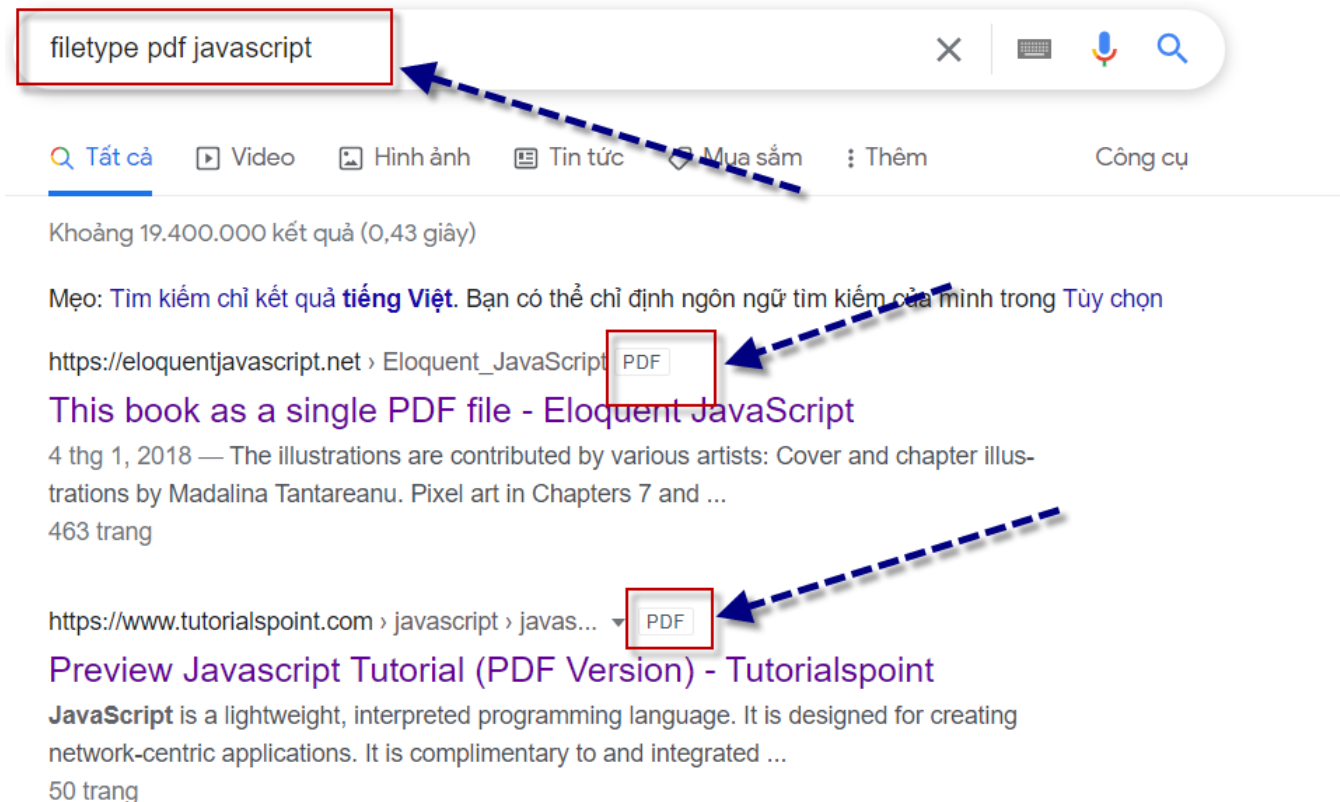
Kết quả trả về

Nội dung tìm kiếm có thể liên quan: **hoa dã quỳ trắng**

<https://wikihoa.com> › ban-da-biet-gi-ve-hoa-da-quy-tra...
Bạn đã biết gì về hoa dã quỳ trắng - Wikihoa
23 thg 11, 2018 — Ý nghĩa của **hoa dã quỳ trắng** ... Là loài hoa tượng trưng cho sự sống mãnh liệt, cho dù có sỏi đá khô cằn hay nước ngập thì những bông hoa dã quỳ ...

❑ Một số tính năng nâng cao của Google Search

- ❖ Tìm kiếm file theo định dạng
- ❖ Ví dụ tìm kiếm tài liệu định dạng file pdf
- ❖ Sử dụng từ khóa: filetype pdf + tên tài liệu





DEMO



Hướng dẫn sinh viên sử dụng
Google để tìm kiếm tài liệu



Internet, Network, Web

Giảng viên:

Buổi học: 12

- ❖ Khái niệm về điện toán đám mây
- ❖ Hướng dẫn lưu trữ trên Internet
- ❖ Hướng dẫn sử dụng các phần mềm dạng SAAS





ĐIỆN TOÁN ĐÁM MÂY

Điện toán đám mây là gì?

- ❑ Điện toán đám mây – Cloud Computing là mô hình điện toán sử dụng công nghệ máy tính và phát triển dựa vào mạng Internet
- ❑ Ở mô hình điện toán đám mây, sẽ cho phép người sử dụng truy cập các dịch vụ công nghệ từ một nhà cung cấp nào đó "trong đám mây" mà không quan tâm đến các cơ sở hạ tầng phục vụ công nghệ đó.



Cloud Computing

Having secure access to all your applications and data from any network device

Điện toán đám mây là gì?

- Nói một cách dễ hiểu, mô hình điện toán đám mây là mô hình cho phép chúng ta lưu trữ, sử dụng các phần cứng, phần mềm thông qua khái niệm dịch vụ, được các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ, mà không cần quan tâm đến đầu tư về cơ sở hạ tầng tại chỗ.



Cloud Computing

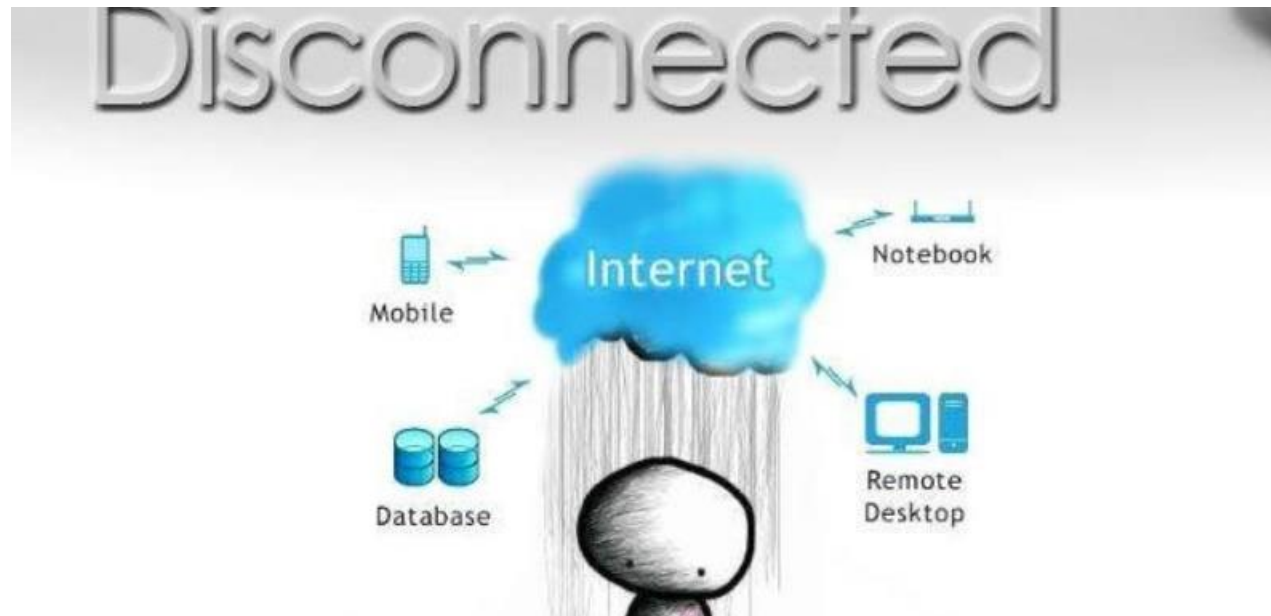
Having secure access to all your applications and data from any network device

Ưu điểm của mô hình điện toán đám mây

- ☐ Doanh nghiệp sẽ giảm được chi phí đầu tư hạ tầng ban đầu
- ☐ Doanh nghiệp sẽ giảm được chi phí bảo dưỡng
- ☐ Giảm được nhân sự quản lý và bảo dưỡng
- ☐ Truy cập dữ liệu mọi lúc mọi nơi
- ☐ Truy cập được trên nhiều nền tảng thiết bị, nhiều hệ điều hành khác nhau
- ☐ Không lo bị mất dữ liệu do được backup thường xuyên

Nhược điểm của mô hình điện toán đám mây

- ❑ Phụ thuộc nhiều vào đường truyền Internet
- ❑ Khả năng bị hacker tấn công
- ❑ Phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ. Giá cả có thể tăng cao



Các mô hình điện toán đám mây

- ❑ Infrastructure as a Service (IaaS)
- ❑ Platform as a Service (PaaS)
- ❑ Software as a Service (SaaS)
- ❑ Desktop as a Service (DaaS)



Các mô hình điện toán đám mây

- ❑ Infrastructure as a Service (IaaS): Đây là một dịch vụ cho phép người dùng sử dụng cơ sở hạ tầng CNTT cần thiết cho việc xây dựng hệ thống, chẳng hạn như hệ thống mạng, máy chủ và hệ điều hành



- ❑ Platform as a Service (PaaS): dịch vụ cho phép người dùng sử dụng platform (môi trường phát triển) cho ứng dụng thông qua hệ thống mạng.
- ❑ Dịch vụ này thường được các lập trình viên sử dụng



- ❑ Software as a Service (SaaS): là dịch vụ cho phép người dùng sử dụng software (phần mềm) thông qua network (hệ thống mạng)
- ❑ Đây là dịch vụ được số đông sử dụng



- ❑ Desktop as a Service (DaaS): Cung cấp sẵn một hệ điều hành desktop như Windows 8, Windows 10 cho người dùng sử dụng





LƯU TRỮ TRỰC TUYẾN

- ❑ Cloud storage là một thuật ngữ dùng để chỉ các hành động lưu giữ, sắp xếp, quản lý, chia sẻ, và sao lưu dữ liệu của cá thể sở hữu nó trên một hệ thống lưu trữ bên ngoài ổ cứng được duy trì bởi các nhà cung cấp (hay bên thứ ba)
- ❑ Dịch vụ này cho phép khách hàng hay người dùng có thể truy cập được tất cả các tệp tin của họ từ xa tại bất kỳ vị trí địa lý nào.



- ❑ Google Drive là dịch vụ lưu trữ và đồng bộ hóa tập tin được tạo bởi Google giúp người dùng có thể lưu trữ tập tin trên đám mây, chia sẻ tập tin
- ❑ Bạn sẽ sử dụng Google Drive bằng tài khoản email của Google
- ❑ Khi bắt đầu sử dụng tài khoản Google drive, bạn có sẵn **15 GB miễn phí** để lưu trữ. Bạn có thể lưu trữ qua Google Drive, Gmail, và Google Photos cùng 1 lúc
- ❑ Tuy nhiên, với email của trường (@fpt.edu.vn), các bạn có thể lưu trữ không giới hạn trên hệ thống



❑ Làm quen với giao diện Google Drive

The screenshot shows the Google Drive web interface with several annotations in Vietnamese:

- Top Bar:** Search bar "Tìm trong Drive", settings, and user profile.
- Left Sidebar:**
 - Mới (New):** Highlighted with a red box and an arrow pointing to the annotation "Tạo mới thư mục hoặc upload file từ máy tính lên Drive".
 - Ưu tiên (Priority):** Checkmark icon.
 - Drive của tôi (My Drive):** Highlighted with a blue box.
 - Bộ nhớ dùng chung (Shared with me):** Highlighted with a blue box.
 - Máy tính (Computer):** Highlighted with a blue box.
 - Được chia sẻ (Shared with me):** Highlighted with a blue box.
 - Gần đây (Recent):** Highlighted with a blue box.
 - Có gắn dấu sao (Starred):** Highlighted with a blue box.
 - Thùng rác (Trash):** Highlighted with a blue box.
 - Bộ nhớ (Storage):** Highlighted with a red box, showing "Đã sử dụng 74,14 GB". An arrow points to the annotation "Dung lượng đã sử dụng".
- Main Content Area:**
 - Được đề xuất (Suggested):** A row of five document thumbnails. An arrow points to the annotation "Các file mới xem".
 - Table:** A table with columns: Tên (Name), Chủ sở hữu (Owner), Sửa đổi lần cuối (Last modified), and Kích cỡ tệp (File size).

Tên	Chủ sở hữu	Sửa đổi lần cuối	Kích cỡ tệp
Ảnh Team Building FPOLY 3 miền		30 thg 11, 2015 tôi	—
BAN ĐÀO TẠO FPL HCM		19 thg 3, 2020 tôi	—
Bảng điểm	tôi	29 thg 6, 2019 tôi	—
BỘ MÔN CNTT - FPL HCM	tôi	5 thg 6, 2018 Hiền Huỳnh Phan...	—
C++	tôi	27 thg 12, 2015 tôi	—

❑ Tính năng hay của Google Drive

- ❖ Đa nền tảng, xài chung cho cả smartphone và laptop
- ❖ Tự động đồng bộ file từ máy tính lên Drive
- ❖ Chia sẻ file cho người khác
- ❖ Đính kèm file trong Gmail



DEMO



Hướng dẫn sinh viên sử dụng
Google Drive để lưu trữ



SOFTWARE AS A SERVICE

Tính năng	Phần mềm truyền thống	Software as a Service
Cài đặt	Phải cài đặt phần mềm trực tiếp trên máy tính cá nhân	Sử dụng bằng giao diện web
Bản quyền	Mua bản quyền theo key, theo máy, hoặc miễn phí	Miễn phí, hoặc mua theo account, theo tháng/năm
Khả năng làm việc	Chỉ 1 người làm việc trực tiếp trên máy trên 1 file dữ liệu	Làm việc cộng tác với nhiều người trên 1 file
Giới hạn không gian	Chỉ làm việc được trên 1 máy. Trong trường hợp máy bị hư ổ cứng, dữ liệu sẽ bị mất	Bạn có thể làm việc trên nhiều thiết bị với cùng 1 file dữ liệu
Kết nối mạng	Không có Internet vẫn sử dụng được	Chỉ sử dụng khi có Internet

☐ Bộ Office:

- ❖ Google Doc → Word
- ❖ Google Spreadsheets → Excel
- ❖ Google Presentation → Power Point

☐ Google Calendar: Lịch online

☐ Google Contact: Danh bạ online

☐ Canva: Chỉnh sửa ảnh, video online

☐ Kiot Việt: Quản lý bán hàng online

☐ Web game: các dạng game trên nền tảng Web

☐ ...



DEMO

Hướng dẫn sinh viên sử dụng các
phần mềm dạng dịch vụ của Google



- ❖ Giới thiệu dịch vụ Email
- ❖ Hướng dẫn cách sử dụng email
- ❖ Giới thiệu về dịch vụ tìm kiếm
- ❖ Hướng dẫn cách sử dụng Google để tìm kiếm tài nguyên
- ❖ Khái niệm về điện toán đám mây
- ❖ Hướng dẫn lưu trữ trên Internet
- ❖ Hướng dẫn sử dụng các phần mềm dạng SAAS





FPT Education

FPT POLYTECHNIC

Thank you